

Số: 03 /TTr-TNKS

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 6 năm 2026

## TỜ TRÌNH

**Đề nghị phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc  
Nhiệm vụ: Khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động  
khoáng sản trên địa bàn tỉnh**

Kính gửi: Giám đốc Sở

Phòng Tài nguyên và Khoáng sản đề nghị Giám đốc Sở xem xét, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc nhiệm vụ: Khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh, với các những nội dung dưới đây:

### I. MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ DỰ ÁN

- Tên nhiệm vụ: Khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.
- Tổng dự toán được duyệt: **3.968.000.000** đồng.
- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Nguồn vốn: Sự nghiệp kinh tế đã giao năm 2026 cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thời gian thực hiện: Năm 2026.
- Địa điểm: Trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
- Nội dung, quy mô thực hiện:
  - Thu thập, rà soát tài liệu, số liệu phục vụ khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.
  - Điều tra địa chất về khoáng sản.
  - Đánh giá hiện trạng khai thác khoáng sản và các tác động đi kèm; đồng thời xác định và khoanh định các khu vực cần tạm dừng khai thác để phục vụ công tác khảo sát, điều tra và nghiên cứu bổ sung.
  - Phân tích, đánh giá về tài nguyên khoáng sản và tác động của hoạt động khoáng sản đến môi trường và phát triển kinh tế - xã hội.
  - Xây dựng kế hoạch quản lý và bảo vệ đối với các khu vực đã được khoanh định; đồng thời đề xuất các biện pháp xử lý vi phạm trong các khu vực cấm hoặc tạm thời cấm khai thác khoáng sản nhằm bảo đảm hiệu lực quản lý và an toàn tài nguyên.
  - Lập bản đồ khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức lấy ý kiến kết quả khoan định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Tổng hợp và báo cáo kết quả khoan định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản cho các cơ quan chức năng phục vụ công tác quản lý.

## **II. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản số 147/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 6/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 39/2024/TT-BTNMT ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật công tác khai đào công trình, lấy mẫu trong điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/07/2025 quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; số 04/2026/TT-

BNNMT ngày 16/01/2026 về sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 76/2025/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật lĩnh vực địa chất và khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026.

### III. PHÂN CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN: 0 đồng

Bảng số 1

STT	Nội dung công việc hoặc gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)	Văn bản phê duyệt
1				
<b>Tổng cộng</b>				

### IV. PHÂN CÔNG VIỆC KHÔNG ÁP DỤNG ĐƯỢC MỘT TRONG CÁC HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU: 0 đồng

Bảng số 2

STT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị (đồng)
1	Tổ chức lấy ý kiến	Sở Nông nghiệp và Môi trường	0
2	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	0
<b>Tổng cộng</b>			0

### V. PHÂN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

#### 1. Bảng tổng hợp phân công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

##### Bảng số 2

#### 2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

##### a) Cơ sở phân chia gói thầu:

Cơ sở phân chia nhiệm vụ thành 03 gói thầu đảm bảo phù hợp với tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ về kỹ thuật và yêu cầu dịch vụ cung cấp;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý: Gói thầu đảm bảo phù hợp với điều kiện của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...;

##### b) Giá gói thầu:

b1. Gói thầu số 01: Khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh: 3.944.000.000 đồng.

b2. Gói thầu số 02: Tư vấn lập hồ sơ mới thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu số 01- Khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh: 16.000.000 đồng.

b3. Gói thầu số 03: Tư vấn thẩm định Hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả đánh giá HSDT gói thầu số 01 - Khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh: 8.000.000 đồng.

Giá các gói thầu đề nghị phê duyệt đảm bảo phù hợp với quyết định phê duyệt Đề cương, dự toán của Chủ tịch UBND tỉnh;

c) Nguồn vốn: Sự nghiệp kinh tế đã giao năm 2026 cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

d) Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức lựa chọn nhà thầu:

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Gói thầu số 01: Áp dụng hình thức Đấu thầu rộng rãi qua mạng; Gói thầu số 02 và gói thầu số 03: Áp dụng hình thức Chỉ định thầu rút gọn.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Gói thầu số 02 và gói thầu số 03 th□□ng th□o h□p đ□ng; Gói thầu số 01 m□t giai đ□n hai túi h□ s□.

đ) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu:

e) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II, năm 2026;

g) Loại hợp đồng:

- Gói thầu số 01: Theo đơn giá cố định.

- Gói thầu số 02 và gói thầu số 03: Trọn gói

h) Thời gian thực hiện gói thầu:

- Gói thầu số 01: 180 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Gói thầu số 02 và số 03: 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

i) Tùy chọn mua thêm: Không đề xuất;

l) Giám sát hoạt động đấu thầu: Không đề xuất.

**VI. PHÂN CÔNG VIỆC CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN LẬP KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU:** Không.

**VII. TỔNG GIÁ TRỊ CÁC PHẦN CÔNG VIỆC**

TT	Nội dung	Giá trị	Đơn vị
1	Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện	0	Đồng
2	Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu	0	Đồng

3	Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu	3.968.000.000	Đồng
4	Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu	0	Đồng
<b>Tổng giá trị các phần công việc (1+2+3+4)</b>		<b>3.968.000.000</b>	<b>Đồng</b>
<b>Tổng mức đầu tư của dự toán mua sắm (làm tròn)</b>		<b>3.968.000.000</b>	<b>Đồng</b>

### VIII. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, phòng Tài nguyên và Khoáng sản đề nghị Giám đốc Sở xem xét, phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc nhiệm vụ: Khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Bùi Quang Phát- PGĐ Sở;
- Phòng KHTC;
- Kế toán sở;
- Lưu: TNKS, KHTC, HSTT.

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Ngô Trí Dũng**

**BẢNG TỔNG HỢP PHẦN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**  
(Kèm theo Tờ trình số: ... /TTr-TNKS ngày 28 /5/2026 của phòng Tài nguyên và Khoáng sản)

**Bảng số 03**

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu	Giá gói thầu (Đồng)	Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Phương thức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Thời gian tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường Bắc Ninh	Gói thầu số 01: Khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	3.944.000.000	Sự nghiệp kinh tế năm 2026	Đấu thầu rộng rãi qua mạng	Một giai đoạn, hai túi hồ sơ	Quý II năm 2026	180 ngày	Theo đơn giá cố định	180 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không đề xuất	Không đề xuất
2		Gói thầu số 02: Tư vấn Lập Hồ sơ mời thầu, đánh giá HSDT gói thầu số 01	16.000.000	Sự nghiệp kinh tế năm 2026	Chỉ định thầu rút gọn		Quý II năm 2026	10 ngày	Trọn gói	30 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không đề xuất	Không đề xuất
3		Gói thầu số 03: Tư vấn thẩm định Hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả đánh giá HSDT gói thầu số 01	8.000.000	Sự nghiệp kinh tế năm 2026	Chỉ định thầu rút gọn		Quý II năm 2026	10 ngày	Trọn gói	30 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không đề xuất	Không đề xuất

**Tổng giá gói thầu: 3.968.000.000 đồng (Ba tỷ, chín trăm sáu mươi tám triệu đồng), Giá trên đã bao gồm thuế VAT.**